Thông tin Bao gồm trong Phiếu báo cáo Liên bang 2021-22 cho các Trường Công lập Texas

Phần (i): Mô tả chung về hệ thống trách nhiệm giải trình tiểu bang Texas

(I) số lượng sinh viên tối thiểu mà Tiểu bang xác định là cần thiết để được đưa vào mỗi phân nhóm sinh viên để sử dụng trong hệ thống trách nhiệm;

(II) các mục tiêu dài hạn và các phép đo tiến bộ tạm thời cho tất cả học sinh và cho mỗi nhóm học sinh;

(III) các chỉ số được sử dụng để phân biệt có ý nghĩa tất cả các trường công lập trong Bang; (IV) hệ thống của bang để phân biệt có ý nghĩa tất cả các trường công trong bang, bao gồm— (aa) trọng số cụ thể của các chỉ số trong sự khác biệt đó; (bb) phương pháp luận mà Nhà nước phân biệt tất cả các trường phái đó; (cc) phương pháp luận theo đó tiểu bang phân biệt một trường học luôn hoạt động kém hiệu quả đối với bất kỳ phân nhóm học sinh nào; và (đ) phương pháp luận mà nhà nước xác định một trường học để hỗ trợ và cải tiến toàn diện;

(V) số lượng và tên của tất cả các trường công lập trong bang được nhà nước xác định để hỗ trợ và cải thiện toàn diện hoặc thực hiện các kế hoạch hỗ trợ và cải thiện có mục tiêu;

(VI) các tiêu chí xuất cảnh do nhà nước thiết lập, bao gồm cả khoảng thời gian của số năm được thiết lập.

Phần (ii): Thành tích của học sinh theo mức độ thông thạo

Phần này cung cấp thông tin về thành tích của học sinh trong thành tích STAAR (Đánh giá Mức độ sẵn sàng Học tập của Tiểu bang Texas) đối với toán, đọc / ELA, và khoa học theo cấp lớp và trình độ cho năm học 2021–22. Những kết quả này bao gồm tất cả học sinh được kiểm tra, bất kể họ có nằm trong tập hợp con trách nhiệm giải trình hay không.

Phần (iii)(I): Tăng trưởng trong học tập

Phần này cung cấp thông tin về sự phát triển học tập của học sinh đối với toán và đọc / ELA cho các trường tiểu học và trung học công lập không có tỷ lệ tốt nghiệp, cho năm học 2021-22. Những kết quả này bao gồm tất cả học sinh được kiểm tra, bất kể họ có nằm trong tập hợp con trách nhiệm giải trình hay không.

Part (iii)(II): Tỷ lệ tốt nghiệp

Phần này cung cấp thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp THPT của các lớp năm 2021.

Phần (iv): Trình độ tiếng anh

Phần này cung cấp thông tin về số lượng và tỷ lệ phần trăm người học tiếng Anh đạt được trình độ thông thạo tiếng Anh dựa trên dữ liệu của Hệ thống Đánh giá Năng lực Anh ngữ Texas (TELPAS) năm 2022.

Phần (v): Chất lượng trường học hoặc thành công của học sinh (SQSS)

Phần này cung cấp thông tin về chỉ số khác về chất lượng trường học hoặc sự thành công của học sinh, đó là mức độ sẵn sàng học đại học, nghề nghiệp và quân sự (CCMR) cho các trường trung học và tỷ lệ thành tích trung bình của ba cấp độ thành tích STAAR của tất cả học sinh, bất kể họ có ở tập hợp con trách nhiệm giải trình, dành cho các trường tiểu học và trung học không có tỷ lệ tốt nghiệp.

Phần (vi): Họp mục tiêu

Phần này cung cấp thông tin về sự tiến bộ của tất cả học sinh và từng nhóm học sinh để đạt được các mục tiêu dài hạn hoặc mục tiêu tạm thời về kết quả học tập STAAR, tỷ lệ tốt nghiệp liên bang và trình độ thông thạo ngôn ngữ của người học tiếng Anh.

Phần (vii): Tham gia STAAR

Phần này cung cấp tỷ lệ phần trăm học sinh được đánh giá và không được đánh giá trên STAAR về toán, đọc / ELA và khoa học.

Phần (viii): Dữ liệu về quyền dân sự

Phần (viii)(I):

Phần này cung cấp thông tin từ các cuộc khảo sát thu thập dữ liệu dân quyền (CRDC) năm học 2017-18, do các khu học chánh đệ trình lên văn phòng quyền công dân, về các biện pháp chất lượng trường học, môi trường và an toàn, bao gồm cả số lượng đình chỉ học trong trường, ngoài- đình chỉ học, đuổi học, bắt bớ liên quan đến trường học, giới thiệu đến cơ quan thực thi pháp luật, nghỉ học kinh niên (bao gồm cả vắng mặt có lý do và không có phép), các hành vi bạo lực, bao gồm bắt nạt và quấy rối.

Phần (viii)(II):

Phần này cung cấp thông tin từ các cuộc khảo sát CRDC năm 2017-18, do các học khu đệ trình lên Văn phòng Dân quyền, về số lượng học sinh ghi danh vào các chương trình mầm non và các môn học cấp tốc để lấy tín chỉ sau trung học khi vẫn còn học trung học.

Phần (ix): Dữ liệu phẩm chất giáo viên

Phần này cung cấp thông tin về trình độ chuyên môn của giáo viên, bao gồm thông tin được phân tách theo các trường nghèo và nghèo cao về số lượng và tỷ lệ (I) giáo viên chưa có kinh nghiệm, hiệu trưởng và các lãnh đạo trường học khác; (II) giáo viên giảng dạy với chứng chỉ khẩn cấp hoặc tạm thời; và (III) những giáo viên không giảng dạy trong môn học hoặc lĩnh vực mà giáo viên đó được chứng nhận hoặc cấp phép.

Phần (x): Chi tiêu cho mỗi học sinh

Phần này cung cấp thông tin về chi tiêu cho mỗi học sinh của quỹ liên bang, tiểu bang và địa phương, bao gồm chi tiêu nhân sự thực tế và chi tiêu phi nhân sự thực tế, được phân tách theo nguồn ngân quỹ, cho mỗi khu học và khuôn viên trường trong năm tài chính trước đó. Được cập nhật trước ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Phần (xi): STAAR thay thế 2 tham gia

Phần này cung cấp thông tin về số lượng và tỷ lệ học sinh bị khuyết tật nhận thức đáng kể nhất tham gia chương trình STAAR Alternate 2, theo cấp lớp và chủ đề cho năm học 2021-22.

Phần (xii): Đánh giá toàn quốc về tiến bộ giáo dục của tiểu bang (NAEP)

Phần này cung cấp kết quả về đánh giá học tập của tiểu bang đối với môn đọc và toán ở lớp 4 và lớp 8 trong đánh giá quốc gia về tiến bộ giáo dục năm 2019, so với mức trung bình toàn quốc của các kết quả đó.

Phần (xiii): Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp theo nhóm theo học chương trình giáo dục sau trung học

Phần này cung cấp thông tin về tỷ lệ thuần tập mà học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trong năm học 2019-20 đăng ký vào năm học 2020-21 trong (I) các chương trình giáo dục sau trung học công lập ở Texas; (II) các chương trình giáo dục sau trung học tư thục ở Texas; và (III) các chương trình giáo dục sau trung học bên ngoài Texas.

Phần (xiv): Thông tin bổ sung - Vắng mặt mãn tính

Phần này cung cấp thông tin về định nghĩa vắng mặt kinh niên theo định nghĩa của EDFacts: phần trăm không trùng lặp số học sinh K-12 đã đăng ký vào một trường học trong ít nhất 10 ngày và vắng mặt từ 10% ngày trở lên trong năm học 2020-21.